

**TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 07-12-2021

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

2. Ông Nguyễn Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1/ Anh Mai Xuân L - Sinh năm 1967;

- Người được anh L ủy quyền: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1970.

(Giấy ủy quyền, lập ngày 07/10/2021)

2/ Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1970;

Đều cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

*** Bị đơn:**

1/ Anh Trần Văn T - Sinh năm 1982; có mặt.

2/ Chị Đàm Thị M - Sinh năm 1985; có mặt.

Đều cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2021, bản tự khai, đồng nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết với nhau, ngày 10/7/2020 anh Trần Văn T, chị Đàm Thị M vay anh, chị số tiền 2.250.000.000đ (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng; thời hạn trả tiền 10/7/2021; lãi suất: thỏa thuận. Khi vay, hai bên ra Văn phòng công chứng Hoàng Thành chứng thực nội dung hợp đồng vay tiền. Sau đó, chị H giao tiền cho anh T, chị M. Đồng thời, anh T, chị M viết giấy nhận tiền và ký tên đã nhận đủ số tiền nêu trên. Quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, chị H, anh L nhiều lần yêu cầu chị M, anh T phải có trách nhiệm trả nợ đối với tiền nợ gốc đã vay nhưng chị M, anh T không có động thái để trả nợ. Về lãi suất: Chị H yêu cầu chị M, anh T trả lãi từ ngày 10/7/2020 đến khi vụ án được giải quyết xong; mức lãi suất là

1%/tháng tương ứng với số tiền nợ gốc. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay, chị M, anh T thanh toán cho chị H được 31.000.000đ tiền lãi, cụ thể: ngày 25/12/2020: anh T trả 22.000.000đ; ngày 06/01/2021: anh T trả 5.000.000đ; ngày 10/2/2021: anh T trả 4.000.000đ. Nên số tiền lãi anh T, chị M phải thanh toán cho anh L, chị H sẽ được trừ đi trong tổng số tiền lãi phải thanh toán.

Đối với ý kiến của đồng bị đơn: anh T, chị M thống nhất các nội dung về số tiền nợ gốc, thời điểm vay, các lần thanh toán lãi; mức lãi suất, thời điểm yêu cầu tính lãi suất. Tuy nhiên, anh T, chị M có ý kiến: hiện tại công việc bán cây cảnh của gia đình đang gặp khó khăn do tình hình dịch covid-19 nên anh T, chị M xin anh L, chị H cho trả dần tiền nợ gốc, mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ; về lãi suất: anh, chị xin anh L, chị H cho xin toàn bộ số tiền lãi suất kể từ thời điểm vay cho đến khi vụ án được giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các bên đương sự không thống nhất về phương thức trả nợ gốc và lãi suất. Nguyên đơn chị Huê đề nghị không tiến hành hòa giải nữa.

Ngày 12/11/2021, chị M có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn đang đề nghị. Mức trả đối với tiền nợ gốc chị M đưa ra là 5.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng; trả theo kỳ hạn 06 tháng một lần. Đối với ý kiến của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H không đồng ý với ý kiến chị M đề nghị.

Do các đương sự không thống nhất được các vấn đề giải quyết trong vụ án. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Huê vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, buộc anh T, chị M phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 2.250.000.000đ; tiền lãi suất: chị H đề nghị tính từ ngày vay tiền (10/7/2020) đến ngày xét xử (07/12/2021) là 16 tháng 27 ngày, mức lãi suất là 1%/tháng và đồng ý trừ đi 31.000.000đ tiền lãi chị đã được nhận. Đối với bị đơn, anh T, chị M đồng ý về số tiền nợ gốc, mức lãi suất, nhưng anh chị xin chị H được trả dần số tiền nợ gốc; về lãi suất: bị đơn vẫn đề nghị xin chị H không tính lãi để có điều kiện thu xếp trả nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

* Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn: Theo giấy biên nhận vay tiền, đề ngày 10/7/2020 (dương lịch) thể hiện chị Nguyễn Thị H và anh Mai Xuân L cho chị Đàm Thị M và anh Trần Văn T vay số tiền gốc là 2.250.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*), có chữ ký của bên vay. Về thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất, hai bên đều thỏa thuận theo nội dung Hợp đồng vay tiền, đề ngày 10/7/2021 được chứng thực tại Văn phòng công chứng Hoàng Thành. Quá trình vay, anh T đã thực hiện trả lãi cho chị H, anh L 03 lần, tổng số tiền là 31.000.000đ. Về nợ số tiền gốc, do chị M, anh T không có động thái để thu xếp trả nợ như thỏa thuận nên chị H, anh L yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc chị M, anh T trả số tiền nợ gốc đã vay; về lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày vay tiền (10/7/2020) đến ngày xét xử (07/12/2021) là 16 tháng 27 ngày, mức lãi suất là 1%/tháng, cụ thể: $2.250.000.000đ \times 1\%/tháng \times 16\text{ tháng } 27\text{ ngày} = 380.250.000đ$ (Ba trăm tám mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng trừ đi 31.000.000đ tiền lãi chị H đã được nhận, số tiền lãi còn lại là 349.250.000đ (Ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); tổng tiền nợ gốc và lãi anh T, chị M phải thanh toán là 2.599.250.000đ (Hai tỷ năm trăm chín mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[2] Xét yêu cầu của bị đơn: Số tiền nợ gốc như nguyên đơn đang đề nghị, bị đơn hoàn toàn thống nhất. Về lãi suất, bị đơn đã trả 3 lần vào các ngày như nguyên đơn đã nêu trên, tổng tiền đã trả là 31.000.000đ. Quá trình vay, do dịch bệnh covid-19 nên làm ăn gặp nhiều khó khăn nên không thể thu xếp trả nợ tiền gốc đã vay cho anh L, chị H được. Chị H yêu cầu vợ chồng anh chị trả nợ tiền gốc và tiền lãi như trên anh, chị cũng nhất trí. Tuy nhiên, anh T, chị M đề nghị được trả dần tiền nợ gốc, mỗi tháng trả từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng; trả theo kỳ hạn 06 tháng một lần. Về lãi suất, anh T, chị M xin nguyên đơn toàn bộ tiền lãi suất để có điều kiện thu xếp trả tiền nợ gốc.

[3] Xét việc vay và trả nợ của các đương sự:

* Về tiền nợ gốc: Trên cơ sở các đương sự trình bày, Hội đồng xét xử thấy rằng: số tiền nợ gốc là 2.250.000.000đ, khi vay các bên thể hiện có giấy tờ vay và ký nhận. Như vậy, việc vay tiền giữa chị M, anh T với chị H, anh L là hoàn toàn tự nguyện. Đến hạn trả nợ, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thu xếp trả nợ nhưng bị đơn không có động thái trả nợ. Nguyên đơn đề nghị buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay. Bị đơn đồng ý số tiền gốc còn nợ như nguyên đơn yêu cầu, nhưng bị đơn xin trả dần mỗi tháng từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng, nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc vay theo giấy vay tiền ngày 10/7/2020 (dương lịch) là hoàn toàn có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận xem xét. Về phương thức trả nợ: Bị đơn yêu cầu xin được trả nợ dần cho nguyên đơn là hoàn toàn không có căn cứ để chấp nhận.

* Về lãi suất: Tính từ ngày vay tiền (10/7/2020) đến ngày xét xử (07/12/2021) là 16 tháng 27 ngày, mức lãi suất là 1%/tháng, cụ thể: $2.250.000.000đ \times 1\%/tháng \times 16\text{ tháng } 27\text{ ngày} = 380.250.000đ$, chị H đã nhận tiền lãi anh T thanh toán là 31.000.000đ; số tiền lãi bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 349.250.000đ, là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận xem xét.

[4] Từ những căn cứ trên, buộc chị M, anh T có nghĩa vụ trả nợ cho chị H, anh L số tiền nợ gốc là 2.250.000.000đ và tiền lãi là 349.250.000đ. Tổng cộng là 2.599.250.000đ (Hai tỷ năm trăm chín mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về án phí: Chị Đàm Thị M và anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị H đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí kèm theo.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Xuân L và chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Trần Văn T và chị Đàm Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Mai Xuân L và chị Nguyễn Thị H số tiền gốc là 2.250.000.000đ; tiền lãi là 349.250.000đ. Tổng cộng là 2.599.250.000đ (*Hai tỷ năm trăm chín mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Anh Trần Văn T và chị Đàm Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là 83.985.000đ (*Tám ba triệu chín trăm tám lăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 41.542.000đ (*Bốn một triệu năm trăm bốn hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0014756 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3/ Quyền kháng cáo: Chị H, anh L, chị M, anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huệ

